

Bản án số: 124/2017/KDTM-ST

Ngày: 01-9-2017

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phục.
2. Ông Nguyễn Bảo Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đài Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2015/TLST-KDTM ngày 13 tháng 4 năm 2015 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2017/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, địa chỉ trụ sở: đường H, phường G, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Trương Trọng T, sinh năm 1973, địa chỉ liên hệ: đường H, phường G, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 224-1/UQ-TGĐ.17 ngày 05/6/2017).

(Ông T có mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ P, địa chỉ trụ sở: đường C, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Trung H, sinh năm 1964, địa chỉ: đường L, Phường K, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật (giám đốc Công ty).

(Ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P (sau đây gọi tắt là Công ty P) ký kết các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0991A/13/TD/I.30 ngày 26/10/2013 với hạn mức tín dụng 4.700.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh; hợp đồng tín dụng số 0991B/13/TD.I30 ngày 26/10/2013 với số tiền vay 5.000.000.000 đồng, mục đích vay tái tài trợ tiền xây văn phòng làm việc. Lãi suất cho vay của các hợp đồng trên được qui định trong từng giấy nhận nợ, sẽ thay đổi định kỳ 01 tháng/lần theo chính sách của Ngân hàng A. Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ theo 02 hợp đồng trên, Công ty P thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất tọa lạc tại phường T, quận T, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3848 do Ủy ban nhân dân quận Đ cấp ngày 15/7/2004 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3847 do Ủy ban nhân dân quận Đ cấp ngày 15/7/2004 bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 0991/13/TC/I.30 ngày 28/10/2013 đã được Phòng Công chứng D chứng nhận và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố H ngày 29/10/2013.

Ngân hàng A đã giải ngân cho Công ty P với tổng số tiền 9.700.000.000 đồng theo các giấy nhận nợ sau:

- Giấy nhận nợ ngày 28/10/2013 kèm theo hợp đồng tín dụng 0991A/13/TD/I.30 ngày 26/10/2013, số tiền đã rút 4.700.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 12.5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

- Giấy nhận nợ ngày 04/11/2013 kèm theo hợp đồng tín dụng số 0991B/13/TD/I.30 ngày 26/10/2013, số tiền rút 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 13.5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

- Giấy nhận nợ ngày 04/11/2013 kèm theo hợp đồng tín dụng số 0991B/13/TD/I.30 ngày 26/10/2013, số tiền rút 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 13.5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Ngân hàng A yêu cầu Công ty P phải trả tổng số tiền nợ tính đến ngày 19/5/2015 là 11.506.078.661 đồng. Trong đó nợ gốc là 9.450.001.000 đồng, lãi tạm tính đến 19/5/2015 là 2.056.077.661 đồng và yêu cầu Công ty P có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 20/5/2015 cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp không trả được nợ, Ngân hàng A yêu cầu xử lý phát mãi tài sản

theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 0991/13/TC/I.30 ngày 28/10/2013.

Tại đơn trình bày ngày 31/10/2016, Ngân hàng A trình bày, ngày 23/10/2016 Ngân hàng A đã tự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ nên nay chỉ yêu cầu Công ty P trả cho Ngân hàng A số tiền nợ còn lại tính đến ngày 24/10/2016 là 2.329.791.282 đồng. Trong đó nợ gốc là 1.969.665.331 đồng và nợ lãi là 360.125.951 đồng, Công ty P có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 25/10/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn, Công ty P do ông Trần Trung H là người đại diện theo pháp luật trình bày tại bản tự khai ngày 10/9/2015: Công ty P có ký hợp đồng tín dụng số 0991A/13/TD/I.30 ngày 26/10/2013 với Ngân hàng A để vay số tiền 4.700.000.000 đồng và ngày 26/10/2013 Công ty P tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 0991B/13/TD/I.30 với số tiền 5.000.000.000 đồng. Tổng số tiền đã rút từ Ngân hàng A là 9.700.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay trên, Công ty P đã ký hợp đồng thế chấp số 0991/13/TC/I.30 ngày 28/10/2013. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại phường T, quận Đ, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3847 do Ủy ban nhân dân quận Đ cấp ngày 15/7/2004 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3848 do Ủy ban nhân dân quận Đ cấp ngày 15/7/2004. Tính đến ngày 10/9/2015, Công ty P còn nợ Ngân hàng A số tiền 11.910.036.624 đồng. Trong đó, nợ gốc là 9.448.485.388 đồng, nợ lãi 2.461.551.263 đồng. Công ty P đồng ý trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng A nhưng do hiện nay không có khả năng trả nợ nên Công ty sẽ trực tiếp bán tài sản để trả nợ cho Ngân hàng A.

Tuy nhiên, khi Tòa án tổng đạt, niêm yết các thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Công ty P đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Trương Trọng T trình bày: Ngân hàng A đã giải ngân cho Công ty P số tiền 9.700.000.000 đồng qua giấy nhận nợ ngày 28/10/2013 và 02 giấy nhận nợ ngày 04/11/2013. Sau đó, Công ty P không thực hiện việc trả nợ đầy đủ và đúng hạn theo như thỏa thuận tại hợp đồng nên Ngân hàng A mới khởi kiện Công ty P. Ngày 10/10/2016, Công ty P đã trả cho Ngân hàng A số tiền 10.199.091.403 đồng và Ngân hàng A đã cho giải chấp tài sản bảo đảm. Tính đến ngày 01/9/2017, Công ty P còn nợ Ngân hàng A số tiền 3.601.060.872 đồng. Bao gồm: Nợ gốc là 1.969.665.331 đồng, lãi trong hạn là 1.249.736.644 đồng, lãi quá hạn 381.658.897 đồng. Ngân hàng A yêu cầu Công ty P phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nêu trên một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp

quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 0991/13/TC/L.30 ngày 28/10/2013 vì Ngân hàng A đã cho Công ty P rút tài sản ra và đã trả lại toàn bộ giấy tờ bản chính liên quan đến tài sản thế chấp cho Công ty P. Ngoài ra, Công ty P còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 02/9/2017 cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ gốc cho Ngân hàng A theo lãi suất quá hạn qui định tại các hợp đồng tín dụng đã ký.

Phía bị đơn, Công ty P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, hòa giải theo qui định tại các Điều 48, 68, 97, 98, 179, 195, 196, 205, 211 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; chuyển hồ sơ và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng qui định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bao gồm: Hợp đồng tín dụng số 0991A/13/TD/L.30 ngày 26/10/2013, hợp đồng tín dụng số 0991B/13/TD/L.30, Phụ lục hợp đồng tín dụng số PL.01-0991B/13/TD/L.30 ngày 26/10/2013, hợp đồng thế chấp số 0991/13/TC/L.30 ngày 28/10/2013, các giấy nhận nợ ngày 28/10/2013 và 04/11/2013, nhận thấy Công ty P có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A và nhận số tiền vay của 02 hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 9.700.000.000 đồng. Công ty P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo Hợp đồng nên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Công ty P phải thanh toán nợ là có căn cứ. Tính đến ngày xét xử, Công ty P đã thanh toán một phần nợ. Ngân hàng A yêu cầu Công ty P tiếp tục trả tiền gốc và lãi còn lại là 3.601.060.872 đồng, trong đó nợ gốc là 1.969.665.331 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.249.736.644 đồng, nợ lãi quá hạn là 381.658.897 đồng. Bởi các lẽ trên, đề nghị hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn – Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ P. Công ty P có địa chỉ trụ sở tại đường C, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên căn cứ Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa theo quy định.

Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng Công ty P vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ hợp đồng tín dụng hạn mức số 0991A/13/TD/I.30 ngày 26/10/2013 và hợp đồng tín dụng số 0991B/13/TD.I30 ngày 26/10/2013, các giấy nhận nợ sau: Giấy nhận nợ ngày 28/10/2013 kèm theo hợp đồng tín dụng 0991A/13/TD/I.30 ngày 26/10/2013, Giấy nhận nợ ngày 04/11/2013 kèm hợp đồng tín dụng số 0991B/13/TD/I.30 ngày 26/10/2013, Giấy nhận nợ ngày 04/11/2013 kèm hợp đồng tín dụng số 0991B/13/TD/I.30 ngày 26/10/2013; căn cứ lời khai, trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A và người đại diện theo pháp luật của Công ty P thì Công ty P có vay của Ngân hàng A số tiền tổng cộng là 9.700.000.000 đồng. Ngày 10/10/2016, Công ty P đã trả cho Ngân hàng A số tiền 10.199.091.403 đồng và Ngân hàng A đã cho giải chấp tài sản bảo đảm cho Công ty P. Tính đến ngày 01/9/2017, Công ty P còn nợ Ngân hàng A số tiền 3.601.060.872 đồng. Bao gồm: Nợ gốc là 1.969.665.331 đồng, lãi trong hạn là 1.249.736.644 đồng, lãi quá hạn 381.658.897 đồng. Nên Ngân hàng A yêu cầu Công ty P phải trả số tiền nợ trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 02/9/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ chấp nhận.

Đối với tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Công ty P là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 324-102 và 324-101, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại phường T, quận Đ, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3848 do UBND quận Đ cấp ngày 15/7/2004 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3847 do UBND quận Đ cấp ngày 15/7/2004 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 0991/13/TC/I.30 ngày 28/10/2013 đã được Phòng Công

chứng D chứng nhận và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố H ngày 29/10/2013. Theo người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A thì ngày 10/10/2016, Ngân hàng A đã cho Công ty P giải chấp tài sản đảm bảo nói trên để thu hồi một phần nợ nên nay không còn yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo nữa, do vậy hội đồng xét xử không xem xét.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là Công ty P vắng mặt không có lý do, cũng như không đưa ra bất cứ một phản hồi nào hoặc chứng cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy, Công ty P phải chịu hậu quả pháp lý đối với việc vắng mặt của mình.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án, Công ty P có trách nhiệm trả số tiền 3.601.060.872 đồng cho nguyên đơn nên phải chịu án phí theo qui định của pháp luật là 104.021.217 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 91, 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 3.601.060.872 (ba tỷ sáu trăm lẻ một triệu không trăm sáu mươi ngàn tám trăm bảy mươi hai) đồng. Bao gồm: Nợ gốc là 1.969.665.331 đồng, lãi trong hạn là 1.249.736.644 đồng, lãi quá hạn 381.658.897 đồng. Ngoài ra, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ P còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 02/9/2017 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy nhận nợ ngày

28/10/2013 kèm theo hợp đồng tín dụng 0991A/13/TD/I.30 ngày 26/10/2013, 02 Giấy nhận nợ ngày 04/11/2013 kèm hợp đồng tín dụng số 0991B/13/TD/I.30 ngày 26/10/2013.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thực hiện tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 104.021.217 (một trăm lẻ bốn triệu không trăm hai mươi một ngàn hai trăm mười bảy) đồng do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ P phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.568.993 (năm mươi chín triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm chín mươi ba) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2014/0003733 ngày 05/4/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Lê Diễm Thúy